

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHĂM ở Ninh Thuận và Bình Thuận

TẠ LONG^(*)
NGÔ THỊ CHÍNH^(**)

Chăm là một dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Đồng bào Chăm đã đạt được những thành tựu đáng kể: kinh tế không ngừng phát triển, đời sống được cải thiện rõ rệt, văn hoá có nhiều khởi sắc, giáo dục và đào tạo có tiến bộ; chính trị, xã hội từng bước được ổn định, đoàn kết dân tộc ngày càng được củng cố.

Tuy vậy, tốc độ phát triển kinh tế-xã hội còn chưa tương xứng với tiềm năng và nhu cầu phát triển của đồng bào Chăm. Sự bất cập này cần được khắc phục, dù không phải một sớm, một chiều, nhưng là cấp thiết. Bài viết này góp phần làm sáng tỏ một số nhân tố có ảnh hưởng tới việc đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực Chăm ở hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận, nơi tập trung đông nhất đồng bào dân tộc Chăm.

Ảnh hưởng của chính sách đào tạo và sử dụng cán bộ các dân tộc ít người

Đào tạo đội ngũ cán bộ và trí thức Chăm

Từ sau 1975 đến nay, cùng với việc xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, việc phát triển nguồn nhân lực và đào tạo đội ngũ cán bộ cốt cán người Chăm được Đảng và Nhà nước ta rất chú trọng.

Trước năm 1975 đa số người Chăm mù chữ Chăm và chữ Việt, đa số thanh niên Chăm chưa qua lớp một, lớp hai, 80% trẻ em không được đến trường.

Nhưng sau năm 1975, số học sinh đến trường đã tăng nhanh chóng: năm 1977 tỷ lệ học sinh Chăm chiếm 10,4% tổng số học sinh phổ thông của tỉnh Thuận Hải. Tới năm 1985 số học sinh

đến trường đã chiếm 2/3 trẻ em ở tuổi đi học (6, tr. 358 - 359). Cho tới nay 100% số xã của hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận đã xoá mù chữ và phổ cập tiểu học, đang trong quá trình phổ cập trung học cơ sở^(***). Học sinh người Chăm chiếm 95% tổng số học sinh các trường dân tộc nội trú.

Sự hoàn thiện hệ thống trường lớp ở vùng đồng bào Chăm là một trong những nhân tố quan trọng, làm nên những thành quả vừa nói ở trên: Thời Pháp thuộc cả tỉnh Bình Thuận chỉ có 3

(*) TS. Nhân học, Viện Dân tộc học, Viện KHXH Việt Nam.

(**) TS. Nhân học, Viện Dân tộc học, Viện KHXH Việt Nam.

(***) Có xã như Phước Thái (huyện Ninh Phước) đã hình thành phổ cập trung học cơ sở.

trường tiểu học (2, tr. 29), nhưng cho tới nay 100% số xã Chăm ở Bình Thuận cũng như Ninh Thuận có trường tiểu học và trung học cơ sở, ngoài ra còn có trường phổ thông dân tộc nội trú (Ninh Thuận có 2 trường tiểu học, 1 trường phổ thông trung học; Bình Thuận có 3 trường tiểu học, 1 trường phổ thông trung học). Các huyện đều có trường phổ thông trung học. Trong các trường tiểu học, học sinh được học tiếng và chữ Chăm: ở tỉnh Bình Thuận năm học 2002-2003 có 95 lớp với 3.500 học sinh được học tiếng Chăm; ở tỉnh Ninh Thuận có 318 lớp với 9.695 học sinh được học tiếng Chăm (3, 4, 5).

Hàng năm số học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học được cử tuyển vào các trường đại học hoặc dự bị đại học trung ương: tới năm 2003 tỉnh Ninh Thuận có khoảng 650 em đã ra trường hoặc đang học. ở tỉnh Bình Thuận tính từ 1993 - 2004 có 128 sinh viên thuộc hệ cử tuyển.

Tuy vậy, chất lượng giáo dục ở vùng dân tộc Chăm chưa cao, học sinh yếu, kém chiếm tỷ lệ cao, tỉ lệ học sinh khá giỏi chỉ khoảng 22,5% (3, 4, 5).

Về chuyên môn, nghiệp vụ, số người Chăm đi học cao đẳng và đại học theo chế độ cử tuyển khá đông, nhưng tập trung chủ yếu ở ngành y và sư phạm: ở tỉnh Bình Thuận, tỉ lệ cán bộ Chăm thuộc ngành giáo dục chiếm tới 70,9% tổng số cán bộ được điều tra năm 2004, tỉ lệ cán bộ y tế chiếm 22% (5). ở tỉnh Ninh Thuận, theo thống kê chưa đầy đủ, tỉ lệ cán bộ người Chăm làm việc ở tỉnh và huyện thuộc ngành y chiếm 23%, thuộc ngành giáo dục là 21,7%, ngành văn hoá và khoa học là 11,2%, cán bộ xã phường là 11,2%, thuộc các ngành khác khoảng 32,9% (8, tr.59-63). Ở huyện Ninh Phước, nơi tập trung 80% dân số Chăm toàn tỉnh Ninh Thuận, số người Chăm làm việc trong ngành giáo dục chiếm tới 80,1%, trong ngành y tế

13,6% (4). Như vậy, ở tỉnh Ninh Thuận ngành học được người Chăm lựa chọn đã đa dạng hơn ở tỉnh Bình Thuận. Mặc dù vậy, tỉ lệ cán bộ được đào tạo theo ngành giáo dục và y tế so với cơ cấu ngành của cả nước vẫn chưa cao.

Tính theo trình độ học vấn và chuyên môn kỹ thuật tới năm 2003 người Chăm ở Ninh Thuận đã có 03 tiến sĩ, 04 thạc sĩ, 06 giáo viên cao đẳng và trung học dạy nghề, 60 giáo viên trung học; 827 giáo viên các cấp, chiếm 14% tổng số giáo viên toàn tỉnh; 57 bác sĩ và 200 y sĩ, y tá làm việc tại các bệnh viện tỉnh, trung tâm y tế huyện và trạm xá xã. ở Bình Thuận theo số liệu điều tra chưa đầy đủ của tỉnh tới năm 2003 có 190 người có trình độ trung học chuyên nghiệp, chiếm 0,64% dân số Chăm; 20 công nhân lành nghề, chiếm 0,06% dân số Chăm. Tổng số cán bộ y tế người Chăm trong tỉnh này là 93, trong đó có 23 bác sĩ, 35 y sĩ, 16 nữ hộ sinh và 15 y tá.

Việc sử dụng đội ngũ cán bộ Chăm được đào tạo

Số cán bộ người Chăm làm việc ở các cấp như sau: 01 Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, 01 Cục phó Cục đường bộ, 02 tỉnh uỷ viên. 04 đại biểu HĐND tỉnh, 06 cán bộ lãnh đạo các sở, ngành của tỉnh, 69 cán bộ công chức đang công tác ở các sở, ban, ngành của tỉnh; cấp huyện có 01 bí thư kiêm chủ tịch UBND huyện, 01 chủ tịch UBND huyện, 01 phó chủ tịch HĐND, 04 thường vụ huyện uỷ, 05 trưởng đầu ngành của huyện.

Xét theo cơ cấu công chức viên chức (CCVC) ở hai tỉnh, tỷ lệ người Chăm trong tổng số CCVC thuộc các dân tộc ít người trong tỉnh vào loại cao nhất: 62,8% ở tỉnh Bình Thuận và 72,9% ở

tỉnh Ninh Thuận. Tỷ lệ CCVC Chăm trong tổng số CCVC toàn tỉnh là 2,3% ở tỉnh Bình Thuận và 4,35% ở tỉnh Ninh Thuận (3, 5). Theo tỷ lệ dân số Chăm so với dân số toàn tỉnh, tỷ lệ CCVC chưa cao: 4,35% CCVC so với 12,2% dân số ở Ninh Thuận; 2,3% CCVC so với 2,7% dân số ở tỉnh Bình Thuận.

Cũng cần lưu ý điểm này nữa: không chỉ đánh giá sự phát triển nguồn nhân lực bằng việc dựa vào số lượng cán bộ, mà còn dựa vào cả tỉ trọng dân số - lao động của từng địa phương. Chẳng hạn Ninh Phước là huyện có tỉ trọng CCVC cao nhất so với các huyện Chăm khác thuộc Ninh Thuận và Bình Thuận, nhưng nơi đây chiếm tới 81,8% dân số Chăm toàn tỉnh Ninh Thuận và 33,2% dân số Chăm ở hai tỉnh. Mật độ dân số trung bình toàn huyện Ninh Phước cao hơn toàn tỉnh (195 người/km² so với 166 người/km²). Như vậy sức ép nhân khẩu lên đất nông nghiệp ở huyện Ninh Phước lớn hơn và nhu cầu việc làm để thoát ly nông nghiệp của người Chăm ở đây cao hơn các vùng Chăm khác.

Qua tỷ lệ CCVC so với tỷ lệ dân số

Chăm vừa nêu có thể thấy ở tỉnh Ninh Thuận cần đẩy mạnh hơn nữa việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ người dân tộc Chăm để họ đảm đương công việc của dân tộc mình và cùng chung sức gánh vác trách nhiệm với các dân tộc anh em trong tỉnh. Ở cả hai tỉnh số người được đào tạo mới chỉ tập trung vào y tế và giáo dục, chưa đa dạng như người Kinh. Do đó, số cán bộ chưa tham gia rộng rãi vào nhiều sở ngành của địa phương.

Đội ngũ trí thức và cán bộ Chăm đứng hàng đầu về tỉ trọng và chất lượng so với các dân tộc ít người ở hai tỉnh. Nhưng cơ cấu đội ngũ này theo địa phương và tôn giáo cũng không cân đối. Số liệu dưới đây sẽ cho thấy sự phát triển khác nhau này.

Số liệu trong bảng cho thấy: tỉ trọng CCVC của các huyện ở tỉnh Ninh Thuận gần tương ứng với tỉ trọng dân số. Trong khi đó ở tỉnh Bình Thuận tỉ trọng CCVC của huyện Tuy Phong lớn hơn tỉ trọng dân số của huyện này tới 2,54 lần. Ngược lại, Hàm Tân và Tánh Linh tỉ trọng CCVC thấp hơn tỉ trọng dân số. Chỉ ở huyện Bắc Bình mới có sự tương đương giữa hai tỉ trọng.

Bảng 1: Cơ cấu CCVC và cơ cấu dân số của các huyện Chăm thuộc hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận (Đơn vị: %)

Cơ cấu	Ninh Thuận						
	Tổng số	Ninh Phước		Ninh Hải		Ninh Sơn	
CCVC	100	86,9		11,1		1,96	
Dân số	100	81,8		14,8		3,42	
	Bình Thuận						
Cơ cấu	Tổng số	Bắc Bình	Tuy Phong	Hàm Thuận Bắc	Hàm Thuận Nam	Hàm Tân	Tánh Linh
CCVC	100	58,0	36,3	3,61	0,00	2,58	0,26
Dân số	100	59,0	14,3	12,9	6,27	4,09	3,33

Nguồn: Ban Dân tộc 2 tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận, 2005; và Nghiên cứu thực địa, 2005.

Sự mất cân đối trên đã được điều chỉnh bằng *biện pháp đào tạo cán bộ thông qua hệ cử tuyển sinh viên đại học*. Số liệu về cơ cấu sinh viên cử tuyển của tỉnh Bình Thuận từ 1993 - 2004 đã cho thấy sự điều chỉnh này.

Bảng 2: Cơ cấu sinh viên cử tuyển của tỉnh Bình Thuận từ 1993 - 2004 (Đơn vị: %)

Toàn tỉnh	Bắc Bình	Tuy Phong	Hàm Thuận Bắc	Hàm Thuận Nam	Hàm Tân	Tánh Linh
100	23,2	28,6	20,5	6,25	8,93	12,5

Nguồn: Ban Dân tộc tỉnh Bình Thuận, 2005.

Tuy sự điều chỉnh trên chưa phải đã hoàn toàn sát hợp, nhưng dù sao cũng tạo đà cho các huyện còn yếu về cán bộ trong phát triển nguồn nhân lực của địa phương mình.

Ngoài sự khác biệt trong phát triển đội ngũ CCVC theo địa phương còn có đội ngũ CCVC theo tôn giáo. Số liệu dưới đây sẽ cho thấy sự khác biệt này.

Bảng 3: Cơ cấu đội ngũ CCVC theo tôn giáo ở Ninh Thuận và Bình Thuận (Đơn vị: %)

Tỉnh	Tổng số	Bà la môn	Bà ni	Islam
Ninh Thuận	100	77,0	21,7	1,24
Bình Thuận	100	74,5	25,5	0,00

Nguồn: Ban Dân tộc 2 tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận, 2005; và Nghiên cứu thực địa, 2005.

Những số liệu trên cho thấy ở cả hai tỉnh số cán bộ công chức người Chăm thuộc đạo Bà La Môn chiếm 3/4 tổng số chung của cả ba đạo Bà La Môn, Bà Ni và Islam. Tỉ trọng này khác với tỉ trọng dân số của tín đồ ba đạo ở hai tỉnh: Tín đồ Bà La Môn chỉ chiếm 56,5%, Bà Ni - 39,3%, Islam - 3,44%. Cơ cấu này được xác lập trong điều kiện người Bà Ni cũng có môi trường thể chế cho phát triển tương tự như người Bà La Môn, khiến nảy sinh ra câu hỏi: Phải chăng sự chênh lệch về số CCVC giữa hai đạo Bà La Môn và Bà Ni

do môi trường tự nhiên hay đặc thù xã hội của hai cộng đồng người này quy định?

Đội ngũ cốt cán trong hệ thống chính trị ở cơ sở

Tổng số đảng viên người Chăm của tỉnh Ninh Thuận là 254, của tỉnh Bình Thuận là 136. Số đảng viên này chủ yếu được phát triển sau 1975 (3, 4, 5). Số đảng viên này rất thấp (5). So với tổng dân số của người Chăm, số đảng viên chỉ chiếm khoảng 0,4% ở tỉnh Ninh Thuận và 0,44% ở tỉnh Bình Thuận. Tỷ lệ này ở vùng nông thôn còn thấp hơn: ở tỉnh Bình Thuận trong tổng số 136 đảng viên người Chăm chỉ có 49 đảng viên ở nông thôn, trong khi dân số nông thôn chiếm 91% (5).

Theo số liệu thống kê của UBND tỉnh Ninh Thuận tới tháng 7/2004 và UBND tỉnh Bình Thuận tới tháng 8/2004, số cán bộ chủ chốt cấp cơ sở^(*) (xã/ phường/thị trấn) là người Chăm chiếm 8,05% tổng số cán bộ chủ chốt của toàn tỉnh Ninh Thuận và 2,27% ở tỉnh Bình Thuận (3, 5). Theo tỉ lệ dân số cứ 100 người Chăm ở tỉnh Ninh Thuận có 0,06 cán bộ chủ chốt, ở Bình Thuận là 0,16. So với người Kinh tỉ lệ này thấp hơn nhưng không đáng kể: 0,08 ở tỉnh Ninh Thuận và 0,18 cán bộ Chăm tham gia vào cấp ủy và chính quyền địa phương ở tỉnh Bình Thuận.

Thậm chí ở một số xã tỉ lệ cán bộ người Chăm còn cao hơn tỉ lệ dân số. Chẳng hạn ở xã Phước Thái (huyện Ninh Phước) người Chăm chiếm 61,4% dân số toàn xã, nhưng tỉ lệ cán bộ chiếm tới 72%. Ở xã Phước Nam (cùng huyện Ninh Phước) người Chăm chiếm 72,5%

^(*) Gồm các chức danh sau: bí thư và phó bí thư đảng ủy/chi ủy xã, chủ tịch và phó chủ tịch HĐND xã, chủ tịch và phó chủ tịch UBND xã, chủ tịch MTTQ, chủ tịch Hội cựu chiến binh, chủ tịch Hội nông dân, chủ tịch Hội phụ nữ, bí thư Đoàn TNCSHCM.

dân số xã, nhưng tỷ lệ cán bộ Chăm là 85,7% số cán bộ chủ chốt trong xã.

Sự ưu trội này càng đáng được quan tâm khi đối chiếu nó với những tiêu chí chính trị khác được xã hội chú trọng trong phát triển đội ngũ cán bộ chủ chốt. Số liệu về các đối tượng chính sách ở xã Xuân Hải (huyện Ninh Hải) và Phước Thái sẽ cung cấp những tham số để đối chiếu với đội ngũ cán bộ chủ chốt được phát triển: ở xã Xuân Hải trong số 113 hộ gia đình chính sách (có công với nước) của xã chỉ có 01 hộ người Chăm, số đảng viên người Chăm thuộc hai thôn Phước Nhơn và An Nhơn chỉ chiếm 11,8% số đảng viên toàn xã, nhưng số cán bộ chủ chốt người Chăm chiếm 42%. Cùng xã này, người Kinh chiếm 47,5% dân số toàn xã, nhưng chiếm tới 99% số hộ gia đình chính sách. Ở xã Phước Thái người Kinh chiếm 32,7% dân số trong xã, số hộ chính sách chiếm tới 88,4% toàn xã, nhưng số cán bộ chủ chốt chỉ có 28% (Nguồn: Đảng uỷ & UBND các xã Phước Nam, Phước Thái, Xuân Hải, 2005).

Những tham chiếu trên cho thấy *Nhà nước và chính quyền địa phương đã lấy lợi ích và lòng tin vào đồng bào Chăm làm cơ sở và mục đích của việc xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vùng người Chăm. Điều này phản ánh chiến lược “lấy dân làm gốc” của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam.*

Như vậy, vấn đề đặt ra đối với hệ thống chính trị cơ sở ở người Chăm không phải là số lượng cán bộ, mà là phát triển đảng viên và bảo đảm chất lượng của đội ngũ cán bộ cốt cán.

Ảnh hưởng của truyền thống hiếu học tới sự phát triển nguồn nhân lực

Trong sự nghiệp phát triển giáo dục ngoài sự quan tâm to lớn của Nhà nước, sự nỗ lực tự thân của đồng bào Chăm

cũng là một nhân tố nội lực quan trọng. Một trong những biểu hiện của sự nỗ lực này là công tác khuyến học của các cộng đồng dòng họ và làng. Toàn vùng người Chăm tỉnh Ninh Thuận đều có hội khuyến học của làng và của các dòng họ. Ba xã gần như thuần Chăm ở tỉnh Bình Thuận là Phan Thanh, Phan Hiệp và Phan Hoà (huyện Bắc Bình) đều có hội khuyến học.

Điều đáng chú ý là ở những xã có cả người Chăm và người Kinh sinh sống như Phước Thái, Xuân Hải chỉ người Chăm có hội khuyến học. Điều này cho thấy sự hiếu học, khuyến học của người Chăm quả đáng trân trọng.

Hội khuyến học có quỹ do các gia đình và các học sinh đã ra nghề đóng góp. Chẳng hạn như quỹ của hội khuyến học thôn Như Bình có 160 triệu đồng. Số tiền này được cho HTX nông nghiệp của thôn vay với lãi suất 1,5 - 2%/tháng, lấy lãi hỗ trợ cho học sinh theo chế độ như sau:

- Học sinh đi thi chuyển cấp: 10.000 - 15.000đ/em (từ cấp I đến cấp III).
- Hỗ trợ tàu xe cho sinh viên đại học và cao đẳng và học sinh trung học chuyên nghiệp:
 - + Ngoài tỉnh: 50.000đ/em/năm.
 - + Trong tỉnh: 40.000đ/em/năm.
- Thưởng học sinh giỏi:
 - +Tiểu học: 30.000đ/em
 - +Trung học cơ sở: 40.000đ/em
 - + Trung học phổ thông: 50.000đ/em
- Học sinh cao học, sinh viên đại học, sinh viên cao đẳng, học sinh trung học chuyên nghiệp:
 - + Cao học: 150.000đ/suất/năm

+ Sinh viên đại học: 100.000đ/suất/năm

+ Sinh viên cao đẳng và học sinh trung học chuyên nghiệp: 80.000đ/suất/năm.

- Sinh viên đạt điểm trung bình cả năm học 6,5 điểm: được 80.000đ/suất/năm

- Học sinh thuộc diện nghèo, gia đình chính sách nhưng học khá giỏi:

+ Tiểu học: 20.000đ/suất/năm

+ Trung học cơ sở: 30.000đ/suất/năm

+ Trung học phổ thông: 50.000đ/suất/năm

(Nguồn: *Chi hội khuyến học thôn Như Bình, 2005*).

Mức hỗ trợ hoặc khen thưởng trên tuy không nhiều, nhưng có tác dụng động viên, khích lệ rất lớn, đồng thời cũng thúc đẩy học sinh thi đua vươn lên. Vì vậy, vai trò của nó là không nhỏ.

Một vài nhận xét

Để phục vụ cho việc quản lý và để phát triển nguồn nhân lực Chăm, chính quyền nhà nước các cấp đã đào tạo đội ngũ cán bộ và trí thức Chăm khá đông đảo và có trình độ. Tuy vậy, chất lượng của đội ngũ này còn có mặt hạn chế do theo nguồn cử tuyển nhiều. Mặt khác, nguồn cán bộ được đào tạo mới chỉ tập trung vào ngành y tế và giáo dục, chưa được đa dạng để các cán bộ có thể tham gia vào nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội khác của đất nước.

Về cơ cấu và tỉ trọng cán bộ Chăm theo dân số ở từng địa phương và tôn giáo, tỉ lệ cán bộ Chăm ở hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận tuy cao hơn so với các dân tộc ít người khác, nhưng vẫn thấp hơn so với tỉ trọng

dân số khá nhiều, rõ rệt nhất ở tỉnh Ninh Thuận (4,35% CCVC so với 12,2% tỉ trọng dân số). Giữa các huyện trong tỉnh và giữa các tôn giáo cũng chưa có sự cân đối giữa tỉ lệ dân số và tỉ lệ CCVC.

Mặc dù đã có chủ trương, chính sách đào tạo đội ngũ cán bộ và xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở cũng như tiềm năng và chí hướng phấn đấu vươn lên của đồng bào Chăm, nhưng những hạn chế vừa nêu cũng cho thấy một số nguyên nhân cần điều chỉnh:

- Để đào tạo đội ngũ cán bộ và xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở đều khắp, cần cân đối đội ngũ theo dân số ở các địa phương và tôn giáo cho hợp lý, tránh thiên lệch.

- Cần đào tạo đội ngũ theo chuyên môn toàn diện, tăng cường những ngành còn thiếu và yếu, giảm những ngành nghề đã được đào tạo nhiều như y tế, giáo dục...

- Bên cạnh hệ thống giáo dục cử tuyển cần nâng cao yêu cầu tuyển chọn vào các bậc đào tạo để thúc đẩy ý thức tự lập của học sinh và cán bộ được đào tạo.

Hy vọng với truyền thống văn hiến và hiếu học vốn có lại được Nhà nước hỗ trợ bằng các chính sách đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực đa dạng, đội ngũ cán bộ và trí thức Chăm sẽ ngày càng phát triển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chỉ thị 06/2004/CT-TTg ngày 18 tháng 2 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm an ninh, trật tự đối với vùng đồng

- bào Chăm trong tình hình mới.
2. Bắc Bình. Truyền thống đấu tranh Cách mạng (1930 - 1975). Huyện uỷ Bắc Bình, 2000.
 3. Báo cáo của UBND các tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận có liên quan đến dân tộc Chăm.
 4. Báo cáo của UBND các huyện Bắc Bình tỉnh Bình Thuận, các huyện Ninh Hải, Ninh Phước tỉnh Ninh Thuận về dân tộc Chăm.
 5. Báo cáo của Ban Dân tộc, Ban tôn giáo, Sở Công an, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Giáo dục, Sở Nội vụ của các tỉnh Bình Thuận và Ninh Thuận có liên quan đến dân tộc Chăm.
 6. Phan Xuân Biên (chủ biên), Phan An, Phan Văn Dớp. *Người Chăm ở Thuận Hải*. Sở Văn hoá Thông tin Thuận Hải xuất bản, 1989.
 7. Phan Xuân Biên, Phan An, Phan Văn Dớp. Văn hoá Chăm. H.: Khoa học Xã hội, 1991.
 8. Đồng Văn Dinh. ảnh hưởng của tín ngưỡng, tôn giáo đối với đời sống tinh thần người Chăm Ninh Thuận hiện nay. Thực trạng và giải pháp. Luận văn thạc sĩ Triết học, Hà Nội, 2005.
 9. Mạc Đường. Biến đổi xã hội và những động thái phát triển của ngôn ngữ. Trong “Những vấn đề ngôn ngữ về các ngôn ngữ Phương Đông. H.: Viện Ngôn ngữ học, 1986.
 10. Mạc Đường. Chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ đối với vấn đề dân tộc ít người ở Miền Nam nước ta. Tạp chí *Dân tộc học*, số 02/1977.
 11. Inrasara. Văn hoá-xã hội Chăm. Nghiên cứu và đối thoại. H.: Văn học, 2003.
 12. Kinh tế - Văn hoá Chăm. Viện đào tạo mở rộng. Tp. Hồ Chí Minh: 1992.
 13. Kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2001. Huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.
 14. Kết quả tổng điều tra nông nghiệp và thủy sản năm 2001. Huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.
 15. Kết quả điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2001. Tỉnh Bình Thuận. Cục Thống kê tỉnh Bình Thuận.
 16. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận (1930 - 1975). Phan Rang, 6 - 1995.
 17. Lịch sử Đảng bộ huyện Ninh Hải (1975 - 2000). Tháng 12/2004.
 18. Mah Mod. Chính sách Mỹ nguy hại đối với người Chăm. Tạp chí *Dân tộc học*, số 04/1976.
 19. Nakamura, Rie. Cham in Vietnam: Dynamic of Ethnicity. Ph.D. Dissertation. Washington University, 1999.
 20. Những cuộc vùng dậy của nhân dân Chăm 1693-2004. Paris-San Jose- Toronto, Champaka, 2004, No 4.
 21. Đỗ Văn Ninh (chủ biên), Nguyễn Danh Phiệt, Đặng Kim Ngọc, Nguyễn Duy Hình. Lịch sử Việt Nam từ khởi thủy đến thế kỷ X. H.: Khoa học xã hội, 2001.
 22. Phutra Noroya. Trách nhiệm và thách thức đối với thanh niên Chăm trước thềm thế kỷ mới. Trong “Tagalau”, tập II. Ramurwan, 11/2001.
 23. Thông tri 03 - TT/TW ngày 17/10/1991 của Ban bí thư Trung ương Đảng về công tác đối với đồng bào Chăm.
 24. Tổng cục thống kê. Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam 1999. Kết quả điều tra toàn bộ. H.: Thống kê. 2001.

25. Nguyễn Văn Tỷ. Thực trạng tôn giáo Bani - một số giải pháp chính. Trong “ Tagalau, 2001, tập II. ”Ramưvan”.
26. Phan Lạc Tuyên. Vấn đề nghiên cứu dân tộc Chăm. Trong “ Kinh tế - Văn hoá dân tộc Chăm”. Viện đào tạo mở rộng. Tp. Hồ Chí Minh : 1992.
27. Văn kiện của Đảng về chính sách dân tộc. H.: Sự thật, 1965.
28. Văn kiện của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc. H.: Sự thật, 1978.
29. Viện Dân Tộc học. Dân tộc Chăm. Trong “ Các dân tộc ít người ở Việt Nam” (phần các tỉnh phía Nam). H.: Khoa học Xã hội, 1984.
30. Trần Quốc Vượng. Văn hoá Việt Nam. Tìm tòi và suy ngẫm. H.: Văn hoá dân tộc & Tạp chí *Văn hoá nghệ thuật*, 2000.

(tiếp theo trang 61)

Bên cạnh đó ông Jacobs giới thiệu với các đại biểu tham dự hội thảo phương pháp áp dụng RIA (phân tích tác động chính sách) trong quá trình hoạch định, ban hành các văn bản pháp qui.

Về phía Việt Nam, TS. Đinh Văn Ân, Viện trưởng Viện Quản lý kinh tế trung ương đã trình bày về kinh nghiệm của Australia về cải cách thể chế qua chuyến khảo sát thực tế gần đây của Viện. Ông Nguyễn Đình Cung, trưởng ban Kinh tế vĩ mô - trình bày kế hoạch thực hiện tiểu đề án 2 (đơn giản hoá điều kiện kinh doanh) trong Đề án “Đơn giản hoá thủ tục hành

chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007-2010” (gọi tắt là Đề án 30) vừa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Kết thúc Hội thảo, các đại biểu cho rằng họ rất tin tưởng vào quyết tâm chính trị về cải cách thủ tục hành chính của Chính phủ. Song cũng lưu ý rằng để thực hiện thành công đề án này, ngoài việc tiếp thu học hỏi kinh nghiệm quốc tế và áp dụng những thực tiễn tốt, hiện đại, Chính phủ cần giải quyết vấn đề mấu chốt xác định rõ ràng và hợp lý cơ quan thực hiện và cơ quan thẩm định độc lập trong đề án cải cách này.

TRỌNG VŨ